

NHU CẦU PHÂN BÓN HỮU CƠ TẠI TIỀN GIANG

Bùi Thị Lan Hương, Nguyễn Trần Diễm Phương, Nguyễn Khánh Đức, Huỳnh Thanh Nông, Trần Thanh Phong

TÓM TẮT

Tỉnh Tiền Giang là tỉnh nông nghiệp có trồng trọt và chăn nuôi phát triển mạnh. Trong trồng trọt có diện tích trồng lúa lớn nhất tiếp đến là diện tích trồng cây ăn quả và cây rau. Do đó nguồn phụ phẩm nông nghiệp cũng nhiều rom rạ, phân lợn, gà, bò dê, các nguồn phân từ chăn nuôi được tận dụng làm phân bón cho cây ăn quả riêng phân lợn thịt chưa được tận thu nên vẫn gây lãng phí và ô nhiễm môi trường. Nhu cầu phân bón hữu cơ của tỉnh là lớn nhu cầu thực trong sản xuất rau hàng năm cần 312.606 tấn, sản xuất cây ăn quả cần 134.898 tấn. Các cây trồng khác còn hạn chế sử dụng phân hữu cơ do chi phí cao như sản xuất lúa cần bón hơn 1 triệu tấn phân hữu cơ ngoài việc tận dụng rom rạ trên đồng ruộng. Với định hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh hiện nay cho các cây trồng thì lượng phân hữu cơ ngày càng cần thiết trong nền nông nghiệp của tỉnh.

Từ khóa: Tiền Giang, phân hữu cơ, phụ phẩm, nông nghiệp

Tiền Giang có vùng sinh thái đa dạng và phong phú thích hợp với nhiều giống cây trồng. Kinh tế của tỉnh ngày càng tăng, năm 2016 tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh đạt 52,431 tỷ đồng tăng 8,5% so với năm 2015 trong đó khu vực nông nghiệp và thủy sản tăng 1,5%. Các mặt hàng xuất khẩu nông sản chủ lực trên địa bàn tỉnh hiện nay gồm thanh long, cam, xoài, sầu riêng... Để phù hợp với tình hình hiện nay với nhiều hiệp định thương mại đã được ký kết, chất lượng nông sản ngày càng được chú trọng các sản phẩm VietGAP và hữu cơ ngày càng được lên ngôi vì vậy, nhu cầu phân bón được thay đổi từ bón phân vô cơ sang bón phân hữu cơ. Tại Tiền Giang, phân hữu cơ được phục vụ trồng rau, trồng cây ăn quả có giá trị xuất khẩu sang các nước châu Âu như Mỹ, Thụy Sĩ, Đức, Hà Lan... Vì vậy để đánh giá nhu cầu phân bón hữu cơ của tỉnh cần phải nghiên cứu, điều tra diện tích trồng trọt, lượng phụ phẩm nông nghiệp và lượng phân bón theo tập quán để xác định nhu cầu cụ thể và phương án phát triển nông nghiệp phù hợp giai đoạn hiện nay.

1. Diện tích các loại cây trồng chính của Tỉnh Tiền Giang

Tiền Giang nằm ở vị trí trọng yếu của Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ giao thương quan trọng về nông sản hàng hóa giữa các vùng, nông nghiệp tỉnh được tập trung đầu tư theo hướng khai thác tối đa tiềm năng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên của từng tiểu vùng, sản xuất nông nghiệp có bước thay đổi đáng kể, đạt được những thành tựu quan trọng, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảng 1: Diện tích các cây trồng chính trên tỉnh Tiền Giang

Đơn vị tính: ha

Loại cây trồng	Lúa	Ngô	Rau	Khác (cây chất bột có củ)	Cây ăn quả
Năm 2013	235.625	4.318	43.392	1.649	68.734
Năm 2014	230.629	4.022	44.831	1.443	70.822
Năm 2015	224.537	4.455	48.593	1.226	70.589
Năm 2016	215.413	4.111	53.934	1.224	72.207

Nguồn: tổng cục thống kê Tiền Giang và sở NN và PTNT

Sản xuất lúa: Là tỉnh đi đầu trong sản xuất lúa an toàn (GAP) với HTX Mỹ Thành, Cai Lậy được thành lập năm 2008 có 11,4 ha canh tác lúa được cấp Chứng nhận GlobalGAP - đây là đơn vị đầu tiên trên cả nước có được chứng nhận này. Tiếp theo đó, sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất lúa đặc sản và lúa thơm, lúa chất lượng cao. Diện tích lúa qua các năm ngày càng giảm, năm 2013 diện tích lúa đạt cao nhất 235.625 ha đến năm 2015 diện tích trồng lúa trên toàn tỉnh giảm còn 224.537 và năm 2016 diện tích trồng lúa giảm chỉ còn 219.525 ha, nguyên nhân do tình hình xâm nhập mặn và hạn nên một số diện tích lúa được chuyển đổi sang trồng cây màu có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Sản xuất ngô: Từ năm 2009, Tỉnh đã chú trọng đưa cây ngô (bắp) là cây trồng chủ lực sau cây lúa chất lượng cao tại các huyện giáp với biển vốn là vùng đất nhiễm mặn trước đây, gồm: Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, thị xã Gò Công. Tỉnh chủ trương phân bổ lại hợp lý mùa vụ trồng bắp theo hướng né mặn, né hạn và giải pháp tối ưu là đưa cây bắp ăn vào cơ cấu trồng trọt theo mô hình: 2 vụ bắp + 1 vụ lúa, 2 vụ lúa + 1 vụ bắp ăn hoặc chuyên canh bắp ăn trên chân ruộng cho hiệu quả cao. Những năm 2013 đến 2016 diện tích ngô trên toàn tỉnh đang có xu hướng giảm sau các năm, đến năm 2018 tỉnh có chủ trương tăng thêm 10% diện tích trồng ngô.

Sản xuất rau: Mở rộng diện tích trồng rau nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh là mục tiêu phát triển vùng sản xuất rau của tỉnh đến năm 2020. Diện tích rau từ năm 2013 tăng dần đến năm 2016, từ 43.392 ha lên đến 53.934 ha. Hiện nay tỉnh đang thúc đẩy chương trình sản xuất rau ăn toàn và từng bước xây dựng phát triển vùng rau hữu cơ.

Cây ăn quả: Tiền Giang là tỉnh có diện tích và sản lượng trái cây lớn nhất nước ta, chiếm 8% so với tổng diện tích cây ăn trái của cả nước, và có diện tích lớn đứng thứ hai sau cây lúa. Từ năm 2013 đến năm 2016 diện tích trồng cây ăn quả không ngừng tăng lên, diện tích cao nhất đạt 72.207 ha vào năm 2016. Năm 2015 diện tích trồng cây ăn quả giảm 233 ha so với năm 2014 do xâm nhập mặn đã làm diện tích trồng cây ăn quả của tỉnh bị chết và thất thu. Hiện nay, Tiền Giang đã định hình được vùng chuyên canh dứa hơn 15.000 ha, hơn 7.400 ha sầu riêng Ngũ Hiệp, 4.700 ha xoài cát Hòa Lộc, 4.000 ha thanh long... tại 4 địa bàn trọng điểm: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước và Châu Thành. Đến nay, tỉnh đã có gần 400 ha cây ăn trái đặc sản áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chí VietGAP, GlobalGAP.

Như vậy: Các loại cây trồng của tỉnh đang phát triển theo hướng nông nghiệp bền vững canh tác theo tiêu chí VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ vì vậy, nhu cầu sử dụng phân bón hữu cơ cho diện tích cây trồng của tỉnh là rất lớn.

1. Nguồn phụ phẩm trong trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh

Tiền Giang là một tỉnh thuần nông nên hàng năm, nguồn phụ phẩm trong nông nghiệp là rất lớn và đa dạng về chủng loại. Hiện nay, nông nghiệp được cơ giới hóa, đời sống nông dân ngày càng được nâng cao nên phụ phẩm nông nghiệp không được tận dụng gây lãng phí và ô nhiễm môi trường. Nguồn phụ phẩm của tỉnh trong trồng trọt và chăn nuôi được thể hiện ở bảng 2:

Bảng 2: Nguồn phụ phẩm trong trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh Tiền Giang

Loại phế phụ phẩm	Rơm, rạ	Trấu	Trâu, bò	Lợn, dê	Gia cầm
Năm 2015 (tấn)	1.325.000	331.000	652.426	1.189.097	297.144
Năm 2016 (tấn)	1.297.500	324.000	700.428	1.189.097	297.144

Do cây lúa là cây trồng chủ lực của tỉnh nên nguồn phụ phẩm của cây lúa để lại là rất lớn bao gồm rơm rạ và trấu. Nguồn phế phụ phẩm từ rơm rạ lớn nhất năm 2015 toàn tỉnh đạt khoảng 1.325.000 tấn. Nguồn rơm rạ hiện nay được sử dụng để trồng nấm

nhưng phần lớn vẫn đốt ngay tại ruộng là chủ yếu. Nguồn phế phụ phẩm từ trấu đạt 331.000 tấn, nguồn trấu từ các nhà máy xay xát đang còn nhiều và bỏ phí.

Nguồn phụ phẩm của phân lợn và dê: Đây là nguồn phụ phẩm tương đối lớn sau nguồn phụ phẩm của lúa. Năm 2015 và năm 2016 ước tính 1.189.097 tấn. Nguồn phụ phẩm của dê và lợn nái được thu gom trực tiếp tại chuồng để bán cho các hộ chăn nuôi, trồng trọt. Phụ phẩm của phân lợn thịt được thu gom theo bể khí sinh học đây là một nguồn phân bón lớn gây lãng phí và ô nhiễm môi trường của tỉnh.

Nguồn phụ phẩm của trâu bò trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng qua các năm do số lượng trâu bò của tỉnh tăng cao. Năm 2015 lượng phụ phẩm của trâu bò thải ra 652.426 tấn đến năm 2016 lượng phụ phẩm tăng 700.428 tấn. Lượng phụ phẩm này được các hộ chăn nuôi thu gom phân phối khô bán, lượng bán ra ngoài thị trường đạt 70% tổng lượng phân của tỉnh. Các vùng trồng cây ăn quả đã đưa vào sử dụng. Một số hộ chăn nuôi với số lượng lớn thì có bể BIOGAS tận thu nguồn nước dãi và nước rửa chuồng làm khí sinh học sử dụng cho hộ gia đình. Do đó lượng chất thải trong chăn nuôi bò hiện nay đã được tận dụng làm phân bón hữu cơ cho cây trồng của tỉnh.

Nguồn phụ phẩm của gia cầm: trong năm 2015 và năm 2016 tương đương nhau do đàn gia cầm không thay đổi nhiều. Do chăn nuôi gà hiện nay của tỉnh theo 2 hình thức

+ Gà thả vườn: Đàn gà được người dân quây thành khu và thả trong vườn nhà, số lượng gà không lớn, từ 100 con đến 1.000 con. Với số lượng gà ít cho nên lượng phân của gà không được người dân thu gom thường xuyên. Sau mỗi vụ gà, dân cào gợn lớp phân trên mặt đóng bao bán hoặc bón cho vườn nhà.

+ Gà nuôi trang trại: Số lượng đàn gà từ 1.000 con trở nên được nuôi tập trung. Lượng phân này được người dân thu gom đóng bao bán. Một số hộ sử dụng đệm sinh học. Các hộ chăn nuôi gà lấy trứng thì không làm các đệm lót và thu phân trực tiếp phơi khô đóng bao bán.

Như vậy, nguồn phụ phẩm nông nghiệp của tỉnh Tiền Giang là rất lớn, phụ phẩm của lúa nhiều nhất tiếp đến phụ phẩm từ chăn nuôi lợn và dê, thấp nhất là lượng phân của gia cầm. Phụ phẩm từ trâu bò, gà, dê và phân lợn nái đã được thu gom để phục vụ cho trồng trọt.

2. Hiện trạng sử dụng phân bón của tỉnh

Sử dụng phân hữu cơ hay vô cơ trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh phục thuộc vào kỹ thuật canh tác, cây trồng và yêu cầu đầu ra của sản phẩm. Hiện trạng sử dụng phân bón tại tỉnh năm 2016 được thể hiện ở bảng 3

Bảng 3: Hiện trạng sử dụng phân bón ước tính cho các cây năm 2016

Loại phân bón	Phân NPK/ Tấn/ 2016			Phân hữu cơ các loại/tấn/2016	
	Lúa	CAQ	Rau	CAQ	Rau
Cái Bè	93.092	32.842	1.809	32.842	13.916
Cai lậy	47.381	25.826	2.686	25.826	20.664
Tân Phước	31.714	31.816	980	31.816	7.546
Châu Thành	25.945	20.644	9.864	20.644	75.880
Tp Mỹ Tho	2.075	4.932	1.011	4.932	7.777
Chợ Gạo	30.456	11.668	7.061	11.668	54.320
Gò Công Tây	57.721	1.696	4.625	1.696	35.574
Gò Công Đông	59.605	2.374	8.063	2.374	62.020
TX Gò Công	26.399	1.036	4.387	1.036	33.747
Tân Phú Đông	7.328	2.064	151	2.064	1.162
Tổng	381.716	134.898	1.170.506	134.898	312.606

Theo kết quả điều tra và thu thập tại sở nông nghiệp của tỉnh cho thấy phần lớn nông hộ sử dụng phân vô cơ (N-P-K) vào sản xuất nông nghiệp trong sản xuất lúa, rau và cây ăn quả. Lượng phân vô cơ phục vụ cho sản xuất lúa đạt 381.716 tấn, phân bố ở các huyện sản xuất lúa, Huyện Cái Bè bón phân NPK nhiều nhất lên đến 93.092 tấn. Trong canh tác lúa người dân ít sử dụng phân hữu cơ.

Trong Sản xuất rau lượng phân NPK trên toàn tỉnh đạt nhiều nhất lên đến 1.170.506 tấn so với sản xuất lúa và cây ăn quả. Huyện Châu thành sử dụng nhiều NPK nhất cho canh tác rau trong tỉnh tiếp đến là huyện Gò Công Đông, Chợ Gạo đây là những huyện có diện tích canh tác rau nhiều nhất.

Nhận thức của người dân về phân hữu cơ rất tốt như làm tơi xốp đất, giữ độ ẩm đất, bền cây khi sinh trưởng, tăng năng xuất, giá thành rẻ, .v.v., nhưng trong sản xuất thì người dân không sử dụng vì chi phí cận chuyển ra đồng cao, tốn nhiều công. Để đưa phân bón hữu cơ vào sản xuất của người dân thì đã đề xuất khi sử dụng loại phân bón này thì giảm công thì người dân sẵn sàng sử dụng. Vùng trồng dưa và các vùng trồng cây ăn quả khác của tỉnh Tiền Giang chủ yếu tập trung bón phân vô cơ là chính chiếm 85-90% lượng phân bón, phần còn lại dùng phân hữu cơ.

Kết quả điều tra tại các đại lý phân phối phân bón cho thấy tỉ lệ phân hữu cơ được nhập về và bán ra là rất nhỏ, dao động trong khoảng 5% so với tổng lượng phân bón của các đại lý.

Khoảng 15% nông hộ có sử dụng phân hữu cơ để bón cho cây trồng và chủ yếu dùng cho các loại cây ăn quả có giá trị cao. Tuy nhiên lượng bón là không nhiều so với phân vô cơ, chủ yếu tận dụng nguồn phân từ chăn nuôi của gia đình.

4. Đánh giá về nhu cầu sử dụng phân hữu cơ cho cây trồng.

Sử dụng phân bón hữu cơ mang lại các lợi ích cho sản xuất nông nghiệp bền vững do phân hữu cơ là nguồn cung cấp dinh dưỡng và chất hữu cơ cho đất. Chất hữu cơ tồn tại xen kẽ với các thành phần kết cấu của đất, tạo ra sự thông thoáng giúp rễ phát triển mạnh nên có cường độ hô hấp tối đa và dễ dàng hấp thu các nguồn dinh dưỡng. Chất hữu cơ sẽ lưu giữ các khoáng chất đa, trung, vi lượng từ các loại phân bón hóa học và cung cấp dần cho cây hạn chế được hiện tượng thất thoát phân bón trong quá trình sử dụng, giảm chi phí đáng kể trong SX nông nghiệp, giúp đất giữ ẩm làm cây chống chịu khô hạn tốt hơn. Chất hữu cơ làm môi trường sống cho các hệ vi sinh có ích, các hệ vi sinh này cân bằng môi trường của hệ sinh thái vì vậy sẽ hạn chế một số đối tượng gây bệnh, góp phần tăng năng suất và chất lượng nông sản. Tuy nhiên không phải nông dân nào cũng sử dụng do tập quán canh tác và kỹ thuật sản xuất không thay đổi qua các năm, mặt khác do sử dụng phân bón hữu cơ có hàm lượng chất dinh dưỡng thấp nên phải bón lượng lớn, đòi hỏi chi phí lớn để vận chuyển và nếu không chế biến kỹ có thể mang đến một số nấm bệnh cho cây trồng, nhất là khi chế biến từ một số loại chất thải sinh hoạt và công nghiệp. Các vi sinh vật gây hại có trong phân bón gồm: *E. coli*, *Salmonella*, *Coliform* là những loại gây nên các bệnh đường ruột nguy hiểm hoặc ô nhiễm thứ cấp do có chứa các kim loại nặng hoặc vi sinh vật gây hại vượt quá mức quy định. Nguồn phụ phẩm của Tiền giang tuy nhiều nhưng vẫn chưa tận dụng hết nhất là rơm rạ còn bỏ phí trên đồng ruộng. Hiện nay tỉnh đã có những chủ trương phát triển nông nghiệp hữu cơ nên nhu cầu phân bón hữu cơ sẽ ngày càng tăng. Nếu mỗi ha bón 10 tấn phân hữu cơ thì nhu cầu phân hữu cơ bón của toàn tỉnh cho sản xuất lúa là 2.154.130 ha gần gấp đôi lượng rơm rạ để lại trên đồng ruộng. Như vậy, trong sản xuất lúa ngoài lượng rơm rạ cần chuyển đổi thành phân hữu cơ cần một lượng gần 1 triệu tấn phân hữu cơ cho sản xuất lúa của toàn tỉnh.

Cây ăn quả hàng năm người dân sử dụng 134.898 tấn phân bón hữu cơ, đây là lượng bón thấp, nếu hàng năm mỗi ha cây ăn quả bón 2,5 tấn phân hữu cơ thì lượng phân cần ít nhất là 180.517 tấn cho 1 năm. Như vậy với lượng phân cần sử dụng cho cây ăn quả của tỉnh cần hơn 46 nghìn tấn. Trong sản xuất rau, hàng năm người dân Tiền Giang đã bón 312.606 tấn, nhưng với đề án xây dựng vùng rau an toàn hướng tới sản xuất hữu cơ 500 ha thì lượng phân bón hữu cơ cao hơn rất nhiều.

Nhu cầu sử dụng phân bón hữu cơ của tỉnh Tiền Giang là rất lớn nhưng việc đưa phân hữu cơ vào sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn như: Chi phí nhân công, chi phí vận chuyển, chất lượng phân bón chưa cao, giá thành, lượng bón lớn, .v.v. đã làm giảm việc sử dụng phân bón hữu cơ của địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Tiền Giang, *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang năm 2016*, 29/12/2016
2. Tổng cục thống kê tỉnh Tiền Giang, *Niên giám thống kê 2015*, tháng 7/2016
3. UBND tỉnh Tiền Giang, *Quyết định phê duyệt quy hoạch vùng sản xuất rau màu tỉnh Tiền Giang đến năm 2020*, số 2230/QĐ-UBND ngày 11/9/2014
4. UBND tỉnh Tiền Giang, *Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế năm 2018*, số 209/BC-UBND ngày 21/11/2017
5. UBND tỉnh Tiền Giang, *Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội năm 2015 và kế hoạch phát triển kinh tế năm 2016*